

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/ DSST
Ngày 18/08/2023

V/v Tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Lê Thuận

2/ - Ông Lê Thanh Liêm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –

Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 08 tháng 08 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2023/ TLST- DS ngày 19 tháng 06 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/ QĐXXST- DS ngày 24 tháng 07 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Tuyết D**, sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố Đ A, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thu T**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T P, xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Ngô Văn M**, sinh năm 1968 (chồng bà Nguyễn Thu T) (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T P, xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Trần Tuyết D trình bày: Nguyên trước đây chị Nguyễn Thu T có đến nhà tôi vay số tiền 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 3%/01 tháng, lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ, mục đích bà T vay tiền của tôi là để sửa chữa nhà và buôn bán tạp hóa, thời hạn vay là từ ngày 01/09/2018 đến ngày 30/09/2022 thì bà T phải trả hết nợ gốc và lãi cho tôi. Cụ thể bà T vay tiền của tôi qua các lần như sau:

- Ngày 01/9/2018 bà T đến nhà tôi vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).
- Ngày 28/12/2018 bà T đến nhà tôi vay số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).
- Ngày 30/8/2020 bà T đến nhà tôi vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).
- Ngày 30/9/2020 bà T đến nhà tôi vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).
- Ngày 04/12/2020 bà T đến nhà tôi vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).
- Ngày 18/6/2021 bà T đến nhà tôi vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)
- Ngày 22/11/2021 bà T đến nhà tôi vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)
- Ngày 24/12/2021 bà T đến nhà tôi vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)
- Ngày 15/6/2022 bà T đến nhà tôi vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)
- Ngày 07/9/2022 bà T đến nhà tôi vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Tổng cộng số tiền qua các lần bà T đến nhà vay của tôi là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng).

Đến nay thì bà T vẫn không có đóng lãi và trả nợ gốc cho tôi mặc dù tôi có đến nhà bà T đòi nợ nhiều lần nhưng bà T chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay tại phiên tòa, tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, tôi rút yêu cầu tính lãi trong vụ kiện này. Tôi chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thu T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền gốc là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thu T trình bày: qua lời trình bày của bà Trần Tuyết D tôi thừa nhận có vay nhiều lần của bà Trần Tuyết D số tiền là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng), lúc vay tiền thì tôi có làm biên nhận với bà D, mục đích tôi vay tiền của bà Trần Tuyết D là để sửa chữa nhà và buôn bán tạp hóa. Thời hạn vay là từ ngày 01/09/2018

đến ngày 30/09/2022 thì tôi phải trả hết nợ gốc và lãi cho bà D. Cụ thể là tôi vay tiền của bà Trần Tuyết D qua các lần như sau:

- Ngày 01/9/2018 tôi đến nhà bà Trần Tuyết D vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

- Ngày 28/12/2018 tôi đến nhà bà Trần Tuyết D vay số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

- Ngày 30/8/2020 tôi đến nhà bà Trần Tuyết D vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Ngày 30/9/2020 tôi đến nhà bà Trần Tuyết D vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Ngày 04/12/2020 tôi đến nhà bà Trần Tuyết D vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Ngày 18/6/2021 tôi đến nhà bà Trần Tuyết D vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

- Ngày 22/11/2021 tôi đến nhà bà Trần Tuyết D vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)

- Ngày 24/12/2021 tôi đến nhà bà Trần Tuyết D vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

- Ngày 15/6/2022 tôi đến nhà bà Trần Tuyết D vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

- Ngày 07/9/2022 tôi đến nhà bà Trần Tuyết D vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Tổng cộng số tiền qua các lần tôi đến nhà bà Trần Tuyết D vay là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng).

Do hoàn cảnh gia đình tôi gặp nhiều khó khăn, vì vậy tôi không có khả năng trả số tiền 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng) cho bà Trần Tuyết D được.

Nay, tại phiên tòa tôi thừa nhận còn nợ bà Trần Tuyết D số tiền gốc là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng). Do hoàn cảnh gia đình tôi gặp nhiều khó khăn, vì vậy tôi không có khả năng trả số tiền 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng) cho bà Trần Tuyết D được. Tôi xin trả nợ dần cho bà Trần Tuyết D số tiền là 3.000.000đ/01 tháng cho đến khi hết nợ. Thời gian trả nợ bắt đầu cụ thể vào ngày 25/09/2023 tôi trả 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho bà D cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** ông Ngô Văn M với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay ông M vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn M, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa bà Trần Tuyết D với bà Nguyễn Thu T là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Tuyết D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà D rút yêu cầu tính lãi trong vụ kiện này. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của

bà D là có cơ sở chấp nhận phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Trường hợp có đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà D đã rút.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Tuyết D yêu cầu bà Nguyễn Thu T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D số tiền gốc 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì bà D có cho bà T vay tiền nhiều lần, tổng cộng số tiền gốc là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 3%/1 tháng, lúc vay tiền thì bà T có làm biên nhận nợ với bà D và bà T thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ với bà D, thời hạn vay là từ ngày 01/09/2018 đến ngày 30/09/2022 thì bà T phải trả hết nợ gốc và lãi cho bà D. Đến hạn trả nợ thì bà T không thực hiện việc trả nợ cho bà D và bà D nhiều lần đến nhà bà T đòi nợ nhưng bà T chỉ hứa chứ không trả nợ cho bà D và được biết mục đích bà T vay tiền của bà D là để sửa chữa nhà và buôn bán tạp hóa, mang lại thu nhập cho gia đình và phát triển kinh tế gia đình, theo khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30....”; theo khoản 1 Điều 30: “vợ, chồng có nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy số tiền mà bà T nợ bà D số tiền gốc là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng) được coi là nợ chung của vợ chồng bà Nguyễn Thu T, ông Ngô Văn M.

Nay bà Trần Tuyết D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thu T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D số tiền gốc là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng). LỜI yêu cầu của bà D phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận lời yêu cầu của bà Trần Tuyết D.

[5] Xét lời khai nại của bị đơn bà Nguyễn Thu T thì bà T thừa nhận có vay nhiều lần của bà Trần Tuyết D số tiền là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng), lúc vay tiền

thì bà T có làm biên nhận với bà D, mục đích bà T vay tiền của bà Trần Tuyết D là để sửa chữa nhà và buôn bán tạp hóa. Thời hạn vay là từ ngày 01/09/2018 đến ngày 30/09/2022 thì bà T phải trả hết nợ gốc và lãi cho bà D. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình của bà T đang gặp khó khăn nên bà T xin trả nợ dần cho bà Trần Tuyết D số tiền là 3.000.000đ/01 tháng cho đến khi hết nợ. Thời gian trả nợ bắt đầu cụ thể vào ngày 25/09/2023 bà T trả 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho bà D cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên bà D không đồng ý việc trả nợ dần của bà T. Vì vậy lời khai nại của bà Nguyễn Thu T là không có cơ sở để xem xét theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử bác lời khai nại của bà Nguyễn Thu T.

[6] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà Trần Tuyết D được chấp nhận nên bà D không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà D số tiền là 7.000.000đ (bảy triệu đồng) theo biên lai thu số 0000339 ngày 15/06/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Nguyễn Thu T, ông Ngô Văn M phải nộp: $280.000.000đ \times 5\% = 14.000.000đ$ (mười bốn triệu đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 463 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, Khoản 2 Điều 244, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Tuyết D.

3/ Quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Tuyết D đã rút.

4/ Buộc bà Nguyễn Thu T và ông Ngô Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Tuyết D số tiền gốc là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5/ Về án phí DSST:

- Buộc bà Nguyễn Thu T, ông Ngô Văn M nộp 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Tuyết D số tiền là 7.000.000đ (bảy triệu đồng) theo biên lai thu số 0000339 ngày 15/06/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Trần Tuyết D, bà Nguyễn Thu T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho ông Ngô Văn M biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật